

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03

Trang 1/5

Tổ :

Mã nhận dạng : 01366

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tiểu luận tốt nghiệp - 03-209914

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	09151058	NGUYỄN QUYẾT	THẮNG	DH09DC17					7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11151022	LÊ TUẤN	ANH	DH11DC					7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11151073	LÊ THỊ MỸ	DUYẾN	DH11DC					7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11151001	CHÂU VĂN	ĐIỀU	DH11DC					7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11151002	PHẠM QUANG	HOÀNG	DH11DC					7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11151003	NGUYỄN QUỐC	HỢP	DH11DC					7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11151069	VŨ THỊ	LOAN	DH11DC					7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11151021	PHAN THÀNH	LONG	DH11DC					7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11151027	PHẠM ĐỨC	MINH	DH11DC					7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11151014	HÀ TRỌNG	NGHĨA	DH11DC					7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11151074	ĐỖ TRỌNG	QUYNH	DH11DC					7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11151077	KIỀU DIỄM ĐOAN	THÙY	DH11DC						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11151039	LÊ THANH	TỊNH	DH11DC					8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11151009	HỒ VĂN	TRỌNG	DH11DC					8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 1 Hiện diện: : 13

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



Nguyễn Ngọc Hạnh

PHÓ TRƯỞNG KHOA

ThS. Bùi Văn Hải

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tiểu luận tốt nghiệp - 01-209914

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	09124165	ĐÀO SỸ TIẾN	DH09QLGL							0123456789	0123456789
2	11124135	NGUYỄN VĂN CẢNH	DH11QLGL						7.5	0123456789	0123456789
3	11124182	NGUYỄN VĂN CHIẾN	DH11QLGL						6.7	0123456789	0123456789
4	11124191	LÊ THỊ KIM CƯƠNG	DH11QLGL						8.0	0123456789	0123456789
5	11124199	PHẠM CƯƠNG	DH11QLGL						6.9	0123456789	0123456789
6	11124176	VÕ THỊ NGỌC DUNG	DH11QLGL						7.1	0123456789	0123456789
7	11124202	LÊ NGUYỄN MỸ DUYỀN	DH11QLGL						6.5	0123456789	0123456789
8	11124171	BÙI TRỌNG ĐẠT	DH11QLGL						6.8	0123456789	0123456789
9	11124172	HOÀNG TRƯỜNG GIANG	DH11QLGL						7.5	0123456789	0123456789
10	11124137	KSOR HÀ	DH11QLGL						6.5	0123456789	0123456789
11	11124151	PHẠM THỊ HẠNH	DH11QLGL						8.2	0123456789	0123456789
12	11124150	NGUYỄN THỊ THANH HẢO	DH11QLGL						7.6	0123456789	0123456789
13	11124186	TRẦN THỊ HIỀN	DH11QLGL						7.5	0123456789	0123456789
14	11124139	LÊ THỊ THANH HOA	DH11QLGL						9.0	0123456789	0123456789
15	11124203	VÕ THỊ THU HÒA	DH11QLGL						7.2	0123456789	0123456789
16	11124173	NGUYỄN THỊ KIM HUỆ	DH11QLGL						8.3	0123456789	0123456789
17	11124196	HUỲNH PHƯƠNG HUỲNH	DH11QLGL						6.7	0123456789	0123456789
18	11124140	TRẦN THU HƯƠNG	DH11QLGL						7.7	0123456789	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tiểu luận tốt nghiệp - 01-209914

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	09124165	ĐÀO SỸ TIẾN	DH09QLGL							01012345678910	0123456789
2	11124135	NGUYỄN VĂN CÀNH	DH11QLGL						7.5	01012345678910	0123456789
3	11124182	NGUYỄN VĂN CHIẾN	DH11QLGL						6.7	01012345678910	0123456789
4	11124191	LÊ THỊ KIM CƯƠNG	DH11QLGL						8.0	01012345678910	0123456789
5	11124199	PHẠM CƯƠNG	DH11QLGL						6.9	01012345678910	0123456789
6	11124176	VÕ THỊ NGỌC DUNG	DH11QLGL						7.1	01012345678910	0123456789
7	11124202	LÊ NGUYỄN MỸ DUYỀN	DH11QLGL						6.5	01012345678910	0123456789
8	11124171	BÙI TRỌNG ĐẠT	DH11QLGL						6.8	01012345678910	0123456789
9	11124172	HOÀNG TRƯỜNG GIANG	DH11QLGL						7.5	01012345678910	0123456789
10	11124137	KSOR HÀ	DH11QLGL						6.5	01012345678910	0123456789
11	11124151	PHẠM THỊ HẠNH	DH11QLGL						8.2	01012345678910	0123456789
12	11124150	NGUYỄN THỊ THANH HẢO	DH11QLGL						7.6	01012345678910	0123456789
13	11124186	TRẦN THỊ HIỂN	DH11QLGL						7.5	01012345678910	0123456789
14	11124139	LÊ THỊ THANH HOA	DH11QLGL						9.0	01012345678910	0123456789
15	11124203	VÕ THỊ THU HÒA	DH11QLGL						7.2	01012345678910	0123456789
16	11124173	NGUYỄN THỊ KIM HUỆ	DH11QLGL						8.3	01012345678910	0123456789
17	11124196	HUYỀN PHƯƠNG HUỖN	DH11QLGL						6.7	01012345678910	0123456789
18	11124140	TRẦN THU HƯƠNG	DH11QLGL						7.7	01012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tiểu luận tốt nghiệp - 01-209914

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	11124193	HÀ THỊ THANH	TÂM	DH11QLGL					8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11124194	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	DH11QLGL					6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11124132	NGUYỄN PHƯỚC	THỊNH	DH11QLGL					7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11124147	ĐẶNG THỊ HOÀI	THU	DH11QLGL					6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11124204	BIỆN THỊ THU	THUY	DH11QLGL					6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11124181	BÙI VIỆT	TIỆM	DH11QLGL					7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11124201	LÊ THỊ THUY	TIẾN	DH11QLGL					7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11124170	NGUYỄN HỮU	TIẾN	DH11QLGL					6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11124183	TRẦN THỊ THUY	TRANG	DH11QLGL					7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11124156	NGUYỄN HOÀNG	TRÍ	DH11QLGL					7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11124195	VÕ THỊ KIỀU	TRÌNH	DH11QLGL					6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11124184	PHƯƠNG ĐÌNH	TRUNG	DH11QLGL					7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11124133	LÊ QUANG	TRƯỜNG	DH11QLGL					6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11124157	UK	UK	DH11QLGL					6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 3 Hiện diện: : 47

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

PHÓ TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Ngọc Thành

Nguyễn Ngọc Thành

ThS. Bùi Văn Hải

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tiểu luận tốt nghiệp - 04-209914

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	09124054	NGUYỄN THANH	MÙI	DH09QL17					7.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10124033	TRẦN VĂN	DỪNG	DH10QL					7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10124047	TRƯƠNG VĂN	HẠNH	DH10QL					6.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10124114	ĐÌNH NGỌC	MINH	DH10QL					6.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10124198	ĐẶNG NGUYỄN THANH	THỨ	DH10QL					6.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10124242	BÙI THỊ	TUỔI	DH10QL					6.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11124069	TRẦN HOÀI	ANH	DH11QL					7.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11124004	VŨ XUÂN	CƯỜNG	DH11QL					6.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11124071	TRỊNH PHAN NGỌC	DIỆU	DH11QL					8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11124006	HUỶNH LÊ	DUY	DH11QL					7.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11124007	TRẦN LÊ	DUY	DH11QL					8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11124010	TRẦN THỊ TRANG	ĐÀI	DH11QL					7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11124012	VŨ TIẾN	ĐẠT	DH11QL					6.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11124014	BÙI VĂN	ĐỒNG	DH11QL					7.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11124162	NGUYỄN VĂN LONG	ÉBAN	DH11QL					6.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11124075	PHAN THỊ NGỌC	GIÀU	DH11QL					7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11124076	NGUYỄN LÊ CẨM	HÀ	DH11QL					7.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11124078	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	DH11QL					7.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tiểu luận tốt nghiệp - 04-209914

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	11124015	NGUYỄN THU HÀ	DH11QL						7.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11124079	NGUYỄN THU HÀ	DH11QL						7.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11124016	VŨ LONG HẢI	DH11QL						7.4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11124017	HỒ THỊ HÀO	DH11QL						7.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11143050	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	DH11QL						8.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11173003	LÊ THỊ THANH HIỀN	DH11QL						7.9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11124165	CHU THỊ BÍCH HOA	DH11QL						7.3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11124024	NGUYỄN THỊ HỒNG HOA	DH11QL						7.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11124025	HUỲNH LÊ DIỆM HỒNG	DH11QL						6.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11124027	NGUYỄN THỊ NGỌC HUỆ	DH11QL						7.9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11124029	HOÀNG THỊ HƯƠNG	DH11QL						6.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11124085	PHẠM THỊ KIM KHÁNH	DH11QL						7.4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11124086	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG LAN	DH11QL						7.4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11124031	TẠ PHƯƠNG LAN	DH11QL						8.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11124087	TỔNG THÀNH LAN	DH11QL						7.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11124033	NGUYỄN THỊ ÁNH LINH	DH11QL						8.3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11124034	TRẦN XUÂN LỘC	DH11QL						8.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11124089	PHẠM THỊ TUYẾT MAI	DH11QL						7.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tiểu luận tốt nghiệp - 04-209914

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	11124090	TRẦN LÊ NGỌC MAI	DH11QL						7.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11124095	HUỖNH THỊ YẾN	DH11QL						7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11124099	PHẠM THỊ HỒNG	DH11QL						7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11124101	TRẦN LẠI NHƯ	DH11QL						7.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11124102	TRẦN THỊ QUỲNH	DH11QL						8.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11124066	HỒ TẤN	DH11QL						6.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11124163	DANH THANH	DH11QL						7.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11124104	NGUYỄN THANH	DH11QL						7.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11124067	ĐOÀN VĨNH	DH11QL						7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11124041	TRẦN ANH	DH11QL						6.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11124108	VÕ THỊ ÁI	DH11QL						6.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11124109	LÊ THỊ	DH11QL						6.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11124042	NGUYỄN NHƯ	DH11QL						6.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11124043	LÊ HOÀNG	DH11QL						8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11124045	NGUYỄN THỊ	DH11QL						7.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11124046	TRẦN QUỐC	DH11QL						7.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11124047	VÕ NGUYỄN NHẬT	DH11QL						7.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11124111	HUỖNH TRƯƠNG THANH	DH11QL						7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tiểu luận tốt nghiệp - 04-209914

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	11124110	NGUYỄN THỊ LỆ	THUY						8.0	⑤⑥⑦⑧⑨⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱⑲⑳㉑㉒㉓㉔㉕㉖㉗㉘㉙㉚㉛㉜㉝㉞㉟㊱㊲㊳㊴㊵㊶㊷㊸㊹㊺㊻㊼㊽㊾㊿	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
56	11124049	LÊ VĂN	THUYẾT						7.1	⑤⑥⑦⑧⑨⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱⑲⑳㉑㉒㉓㉔㉕㉖㉗㉘㉙㉚㉛㉜㉝㉞㉟㊱㊲㊳㊴㊵㊶㊷㊸㊹㊺㊻㊼㊽㊾㊿	0●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	11124129	BÙI THỊ THANH	THƯƠNG						6.3	⑤⑥⑦⑧⑨⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱⑲⑳㉑㉒㉓㉔㉕㉖㉗㉘㉙㉚㉛㉜㉝㉞㉟㊱㊲㊳㊴㊵㊶㊷㊸㊹㊺㊻㊼㊽㊾㊿	0①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
58	11124112	NGUYỄN THỊ THUY	TIẾN						7.0	⑤⑥⑦⑧⑨⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱⑲⑳㉑㉒㉓㉔㉕㉖㉗㉘㉙㉚㉛㉜㉝㉞㉟㊱㊲㊳㊴㊵㊶㊷㊸㊹㊺㊻㊼㊽㊾㊿	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
59	11124050	NGUYỄN THỊ	TRÀ						7.4	⑤⑥⑦⑧⑨⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱⑲⑳㉑㉒㉓㉔㉕㉖㉗㉘㉙㉚㉛㉜㉝㉞㉟㊱㊲㊳㊴㊵㊶㊷㊸㊹㊺㊻㊼㊽㊾㊿	0①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨
60	11124115	THÁI HỒNG XUÂN	TRANG						7.8	⑤⑥⑦⑧⑨⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱⑲⑳㉑㉒㉓㉔㉕㉖㉗㉘㉙㉚㉛㉜㉝㉞㉟㊱㊲㊳㊴㊵㊶㊷㊸㊹㊺㊻㊼㊽㊾㊿	0①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨
61	11124051	VÕ THỊ HUỖN	TRẦN						7.8	⑤⑥⑦⑧⑨⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱⑲⑳㉑㉒㉓㉔㉕㉖㉗㉘㉙㉚㉛㉜㉝㉞㉟㊱㊲㊳㊴㊵㊶㊷㊸㊹㊺㊻㊼㊽㊾㊿	0①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨
62	11124118	ĐÀO DUY THANH	TRÚC						7.8	⑤⑥⑦⑧⑨⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱⑲⑳㉑㉒㉓㉔㉕㉖㉗㉘㉙㉚㉛㉜㉝㉞㉟㊱㊲㊳㊴㊵㊶㊷㊸㊹㊺㊻㊼㊽㊾㊿	0①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨
63	11124056	HỒ THỊ CẨM	TÚ						7.0	⑤⑥⑦⑧⑨⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱⑲⑳㉑㉒㉓㉔㉕㉖㉗㉘㉙㉚㉛㉜㉝㉞㉟㊱㊲㊳㊴㊵㊶㊷㊸㊹㊺㊻㊼㊽㊾㊿	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
64	11124055	NGUYỄN ANH	TUẤN						7.0	⑤⑥⑦⑧⑨⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱⑲⑳㉑㉒㉓㉔㉕㉖㉗㉘㉙㉚㉛㉜㉝㉞㉟㊱㊲㊳㊴㊵㊶㊷㊸㊹㊺㊻㊼㊽㊾㊿	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
65	11124130	NGUYỄN THỊ	TUYỀN						7.1	⑤⑥⑦⑧⑨⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱⑲⑳㉑㉒㉓㉔㉕㉖㉗㉘㉙㉚㉛㉜㉝㉞㉟㊱㊲㊳㊴㊵㊶㊷㊸㊹㊺㊻㊼㊽㊾㊿	0●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
66	11124057	TRẦN THANH	TƯỜNG						7.5	⑤⑥⑦⑧⑨⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱⑲⑳㉑㉒㉓㉔㉕㉖㉗㉘㉙㉚㉛㉜㉝㉞㉟㊱㊲㊳㊴㊵㊶㊷㊸㊹㊺㊻㊼㊽㊾㊿	0①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨
67	11124058	NGUYỄN QUỐC	VIỆT						7.7	⑤⑥⑦⑧⑨⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱⑲⑳㉑㉒㉓㉔㉕㉖㉗㉘㉙㉚㉛㉜㉝㉞㉟㊱㊲㊳㊴㊵㊶㊷㊸㊹㊺㊻㊼㊽㊾㊿	0①②③④⑤⑥●⑦⑧⑨
68	11162002	HOÀNG XUÂN HỒNG	VŨ						7.0	⑤⑥⑦⑧⑨⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱⑲⑳㉑㉒㉓㉔㉕㉖㉗㉘㉙㉚㉛㉜㉝㉞㉟㊱㊲㊳㊴㊵㊶㊷㊸㊹㊺㊻㊼㊽㊾㊿	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
69	11124119	LÊ VŨ NGỌC	VŨ						7.5	⑤⑥⑦⑧⑨⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱⑲⑳㉑㉒㉓㉔㉕㉖㉗㉘㉙㉚㉛㉜㉝㉞㉟㊱㊲㊳㊴㊵㊶㊷㊸㊹㊺㊻㊼㊽㊾㊿	0①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨
70	10251019	DƯ KHÁNH	DƯƠNG	TC10DCCM					7.0	⑤⑥⑦⑧⑨⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱⑲⑳㉑㉒㉓㉔㉕㉖㉗㉘㉙㉚㉛㉜㉝㉞㉟㊱㊲㊳㊴㊵㊶㊷㊸㊹㊺㊻㊼㊽㊾㊿	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
71	10224017	HỒ ĐỨC	ĐỒNG	TC10QLBD						⑤⑥⑦⑧⑨⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱⑲⑳㉑㉒㉓㉔㉕㉖㉗㉘㉙㉚㉛㉜㉝㉞㉟㊱㊲㊳㊴㊵㊶㊷㊸㊹㊺㊻㊼㊽㊾㊿	0①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
72	10224020	LÂM THÀNH	ĐƯỢC	TC10QLBD						⑤⑥⑦⑧⑨⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱⑲⑳㉑㉒㉓㉔㉕㉖㉗㉘㉙㉚㉛㉜㉝㉞㉟㊱㊲㊳㊴㊵㊶㊷㊸㊹㊺㊻㊼㊽㊾㊿	0①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 04

Trang 5/5

Tổ :

Mã nhận dạng : 01367

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tiểu luận tốt nghiệp - 04-209914

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
73	10224038	NGUYỄN DUY LINH	TC10QLBD						7.5	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(6)(7)(8)(9)
74	10224052	LÊ SỸ PHƯƠNG	TC10QLBD						7.0	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
75	10224069	NGUYỄN HOÀNG THÔNG	TC10QLBD						7.3	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
76	10224141	PHẠM HỒNG NHƯ	TC10QLDT						7.4	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(5)(6)(7)(8)(9)

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: : 74

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

PHÓ TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Ngọc Hạnh

ThS. Bùi Văn Hải

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tiểu luận tốt nghiệp - 02-209914

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	10135142	LÊ TUẤN	DH10TB						7.0	00012345689100	0123456789
2	11135034	NGUYỄN THỊ VÂN	DH11TB						7.6	00012345689100	0123456789
3	11135036	NGUYỄN LÊ CÔNG	DH11TB							000123456789100	0123456789
4	11135039	NGUYỄN THUY	DH11TB						7.8	00012345689100	0123456789
5	11135042	PHAN THANH	DH11TB						8.0	000123456789100	0123456789
6	11135044	ĐỖ THỊ	DH11TB						6.3	000123456789100	0123456789
7	11135007	PHÍ THỊ KIỀU	DH11TB						8.3	000123456789100	0123456789
8	11135008	LÊ MINH	DH11TB							000123456789100	0123456789
9	11135010	ĐÀO DUY	DH11TB						7.5	00012345689100	0123456789
10	11135078	LÝ THỊ THANH	DH11TB						8.2	000123456789100	0123456789
11	11135011	ĐINH LÊ VŨ	DH11TB						5.1	000123456789100	0123456789
12	11135046	LÂM ĐÁO	DH11TB						8.3	000123456789100	0123456789
13	11135047	NGUYỄN THỊ THU	DH11TB						7.1	00012345689100	0123456789
14	11135012	HUỲNH THỊ TUYẾT	DH11TB						8.4	000123456789100	0123456789
15	11135013	BUI NHẬT	DH11TB						6.9	000123456789100	0123456789
16	11135016	HUỲNH THỊ HẠNH	DH11TB						8.5	000123456789100	0123456789
17	11135051	NGÔ HOÀNG	DH11TB						8.0	000123456789100	0123456789
18	11135054	NGUYỄN DƯƠNG	DH11TB							000123456789100	0123456789

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02

Trang 2/5

Tổ :

Mã nhận dạng : 01365

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tiểu luận tốt nghiệp - 02-209914

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	11135020	LÂM ĐỨC	DH11TB						7.4	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
20	11135028	TRẦN PHƯỚC	DH11TB							(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
21	11135057	NGUYỄN MINH	DH11TB						8.3	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
22	11135059	NGUYỄN THỊ ÚT	DH11TB						6.9	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
23	11135063	NGUYỄN THỊ THU	DH11TB						7.8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
24	11135024	HUỲNH NGUYỄN PHƯỚC	DH11TB						7.8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
25	11135069	NGUYỄN THỊ THIÊN	DH11TB						8.1	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
26	11135071	CAO PHAN ĐIỂM	DH11TB						7.8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
27	11135073	VÕ THANH	DH11TB						7.9	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
28	11135025	ĐINH TRỌNG	DH11TB						8.3	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
29	11135072	NGUYỄN TRƯƠNG LINH	DH11TB						7.3	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số lượng vắng: 4 Hiện diện: : 26

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Bổ sung danh sách

30 11135076 PHẠM

NỮ

DH11TB

Cán bộ sang điểm

Nguyễn Ngọc Thành

Nguyễn Ngọc Thành

PHÓ TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Ngọc Thành

ThS. Bùi Văn Hải

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tiểu luận tốt nghiệp - 01-209910

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	10333104	NGUYỄN ANH	TUẤN	CD10CQ17						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11333002	PHẠM THỊ	HOA	CD11CQ						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11333193	TRẦN HUỖNH	QUÝ	CD11CQ						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12333044	NGUYỄN THÀNH	DANH	CD12CQ					8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12333119	NGUYỄN THỊ	DUYỀN	CD12CQ					8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12333055	TẠ THỊ MỸ	DUYỀN	CD12CQ					7.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12333377	NGUYỄN THỊ THÚY	DƯƠNG	CD12CQ					7.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12333353	BÙI THỊ	HIỀN	CD12CQ					7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12333033	VŨ VĂN	HÙNG	CD12CQ					7.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12333392	TRẦN QUANG	KHAI	CD12CQ					7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12333134	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG	KHOA	CD12CQ					8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12333310	NGUYỄN THỊ HỒNG	KHUYÊN	CD12CQ					6.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12333144	NGUYỄN TRẦN TRÚC	LINH	CD12CQ					6.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12333168	PHÙNG THỊ KIM	NGÂN	CD12CQ					8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12333200	NGUYỄN PHÚ	QUÍ	CD12CQ						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12333207	HUỖNH CẨM	SANG	CD12CQ					6.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12333442	HUỖNH THỊ NGỌC	THÚY	CD12CQ					7.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12333214	CAO THỊ	THÚY	CD12CQ					7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01

Trang 2/5

Tổ :

Mã nhận dạng : 01363

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tiểu luận tốt nghiệp - 01-209910

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12333250	NGUYỄN THỊ BÍCH	THỨ						8.1	8 1	0 0 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12333257	VÕ NHẬT	TIẾN						1.7	1 7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12333049	NGUYỄN HỮU	TÍNH						6.5	6 5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12333264	CHÂU HUYỀN	TRẦN						6.8	6 8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12333451	CAO THỊ	TRIỀU						1.0	1 0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12333458	NGUYỄN THỊ KIM	UYÊN								0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 5 Hiện diện: : 19

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Cán bộ sang điểm

PHÓ TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Ngọc Hạnh

ThS. Bùi Văn Hải